

Số: 23/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 03 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua **Đề án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
giai đoạn 2024-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua Đề án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2024-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án số 06/ĐA-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2024-2025 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Tuất

Số: 06 /ĐA-UBND

Ninh Bình, ngày 03 tháng 4 năm 2024

ĐỀ ÁN

Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2024 - 2025

Phần thứ nhất

**CĂN CỨ PHÁP LÝ, THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH
GIAI ĐOẠN 2021-2023, SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp

lần thứ tư; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1983/QĐ-BTTTT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành in Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực XI tại Báo cáo Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và các chuyên đề lồng ghép của tỉnh Ninh Bình (Báo cáo ngày 19 tháng 10 năm 2023).

II. THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2023

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tỉnh Ninh Bình đã ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp, phát huy được sức mạnh của toàn xã hội cũng như lợi thế của địa phương để triển khai các Chương trình, Chiến lược chuyển đổi số một cách hiệu quả. Nhiều giải pháp được ban hành trong giai đoạn 2021-2023 đã kịp thời đáp ứng những yêu cầu thực tiễn trong công tác xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đảm bảo an toàn thông tin mạng của tỉnh.

- UBND tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đáp ứng các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra; Bộ phận giúp việc, Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP các cấp được hình thành, ngày càng hoàn thiện, được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức, kỹ năng, công nghệ số; định danh, xác thực điện tử và đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, thu hẹp khoảng cách số giữa nông thôn và thành thị trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao nhận thức, kỹ năng số, phát triển nhân lực số

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, truyền thông nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân bằng nhiều hình thức thiết thực, phù hợp; các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh triển khai nhiều giải pháp, ứng dụng công nghệ mới, xây dựng, duy trì, nâng cao chất lượng, tần suất các tin, bài, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, thúc đẩy, lan tỏa mạnh mẽ về mục đích, ý nghĩa, kết quả công tác chuyển đổi số của tỉnh.

- 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương đã bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện công tác chuyển đổi số; công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước được quan tâm chú trọng đối với từng nhóm đối tượng, đặc biệt là đối với cán bộ, công chức cấp xã và Tổ Công nghệ số cộng đồng, Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP tại các thôn, bản, khu phố.

3. Phát triển hạ tầng, nền tảng số và dữ liệu số

3.1. Phát triển hạ tầng, nền tảng số

- 100% các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã thiết lập mạng nội bộ để kết nối các máy tính, thiết bị CNTT; 100% cơ quan đảng, nhà nước sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện, 90% cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính cá nhân và các thiết bị phụ trợ CNTT để giải quyết công việc.

- Các doanh nghiệp viễn thông đã xây dựng và đưa vào hoạt động 2.014 trạm gốc thu phát sóng thông tin di động mặt đất (BTS), trong đó có 609 trạm 3G, 976 trạm 4G đảm bảo phủ sóng tới 100% khu vực trung tâm các thôn, xã, khu tập trung dân cư; khoảng 90% hộ gia đình đã sử dụng dịch vụ Internet, trong đó khoảng 70,8% hộ gia đình sử dụng Internet cố định cáp quang; có khoảng 89% người dân trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh. Hạ tầng truyền dẫn, Internet của tỉnh đến nay đã cơ bản sẵn sàng đáp ứng phục vụ người dân, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng các dịch vụ số và tương tác trên môi trường mạng.

- Có 15 doanh nghiệp, đơn vị hoạt động lĩnh vực bưu chính chuyên phát, với 215 điểm phục vụ bưu chính, 120 điểm bưu điện văn hóa xã trên địa bàn tỉnh đáp ứng cho việc triển khai dịch vụ bưu chính, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa các cấp.

- 100% cơ quan nhà nước, 100% công chức có nhu cầu sử dụng đã được cấp chữ ký số chuyên dùng (4.353 chữ ký cho cá nhân và 704 cho tổ chức); có 292 lãnh đạo tại cơ quan các cấp đã được cấp chữ ký số trên thiết bị di động, đảm bảo đáp ứng thực hiện các nhiệm vụ trên môi trường điện tử.

- Các doanh nghiệp đã phát triển trên 17.589 chữ ký số công cộng cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (chiếm khoảng 1,76% dân số); Công an các cấp đã cấp 832.781 thẻ căn cước công dân gắn chip, 521.038 tài khoản định danh điện tử góp phần đảm bảo các điều kiện phát triển công dân số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương.

- Hạ tầng dùng chung phục vụ chính quyền số, chuyển đổi số của tỉnh được chú trọng đầu tư, từng bước hình thành; Trung tâm dữ liệu của tỉnh (DC) đang tích cực triển khai theo lộ trình hướng tới đạt theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đã phát huy hiệu quả và tiếp tục được đầu tư, mở rộng đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin của tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NDXP).

3.2. Phát triển dữ liệu số

- Hoàn thành xây dựng Kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và kết nối với Kho dữ liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia để giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không phải cung cấp lại thông tin khi thông tin đã có trên Hệ thống.

- Cổng dữ liệu mở của tỉnh đã được xây dựng, bước đầu hoàn thành cung cấp dữ liệu mở cho 11 ngành, lĩnh vực: Tư pháp, Thanh tra, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đáp ứng phục vụ người dân chia sẻ, khai thác, sử dụng.

- Tích cực đẩy mạnh số hóa, tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu chuyên ngành; bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia đã được kết nối, chia sẻ, phục vụ thiết thực công tác quản lý, chỉ đạo điều hành tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số

4.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Đã tập trung đầu tư, xây dựng, triển khai ứng dụng đồng bộ, hiệu quả các phần mềm, hệ thống thông tin dùng chung, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên môi trường mạng, cụ thể:

- Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính được triển khai bằng hình thức thuê dịch vụ, phục vụ cho 100% bộ phận một cửa các cấp; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các cơ quan nhà nước và 3 ngành: Công an, Điện lực, Bảo hiểm xã hội tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý. Hệ thống luôn được duy trì, vận hành hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng các yêu cầu kết nối, liên thông, đảm bảo các chức năng phục vụ triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06/CP và công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Ninh Bình đã mở 20 trường thông tin phục vụ tra cứu, xác thực thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Số lượng hồ sơ thủ tục hành chính đã khai thác dữ liệu dân cư phục vụ định danh và xác thực điện tử là 45.932 hồ sơ. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã thực hiện đồng bộ, kết nối và đồng bộ trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia; đã thực hiện kết nối với 20 cơ sở dữ liệu, phần mềm chuyên ngành của các Bộ, ngành; kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC) để thực hiện đo lường, đánh giá, theo dõi, quản lý việc cung cấp và hiệu quả sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; kết nối và đồng bộ trạng thái hồ sơ thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành đã triển khai cho 100% các cơ quan nhà nước ở 3 cấp tỉnh, huyện, xã, với khoảng 11.163 tài khoản người dùng. Hệ thống luôn hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn thông tin và kết nối, liên thông với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong toàn quốc qua Trục liên thông văn bản quốc gia. Hiện nay, trên Hệ thống đã ghi nhận có trên 11,2 triệu lượt văn bản luân chuyển (văn bản đến trên 9,7 triệu; văn bản đi trên 1,5 triệu). Tỷ lệ văn bản ký số, luân chuyển đúng quy định tại cấp tỉnh 96,34%; cấp huyện: 94,86%; cấp xã: 95,8%. Tổng số văn bản trao đổi trên Trục liên thông văn bản quốc gia là 41.620 văn bản.

- Hệ thống Thông tin báo cáo đã triển khai cho toàn bộ các cơ quan nhà nước với 750 tài khoản người dùng; đáp ứng yêu cầu liên thông từ cấp xã đến cấp tỉnh và Văn phòng Chính phủ. Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện cập nhật các kỳ báo cáo tháng, quý, năm trên Hệ thống.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh được triển khai bằng hình thức thuê dịch vụ với quy mô 165 điểm cầu, trong đó có 143 điểm cầu cấp xã, 16 điểm cầu

cấp huyện và 6 điểm cầu cấp tỉnh; Hệ thống đã đảm bảo cho việc kết nối từ thiết bị điều khiển đa điểm của tỉnh lên Cục Bưu điện Trung ương qua mạng truyền số liệu chuyên dùng; đảm bảo liên thông, tương tác hai chiều từ cấp xã tới Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ban, ngành Trung ương.

- Hệ thống giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Ninh Bình đã chính thức đi vào vận hành, khai thác sử dụng với 303 tài khoản được cấp; 45 không gian làm việc (workspace) để biểu diễn, phân tích dữ liệu cho cấp tỉnh, huyện, xã trên 09 lĩnh vực giám sát, đó là: Điều hành chỉ tiêu kinh tế - xã hội; tình hình xử lý văn bản và điều hành; dịch vụ hành chính công; lĩnh vực y tế; lĩnh vực giáo dục; lĩnh vực du lịch; quản lý sử dụng đất đai; tương tác phản hồi của người dân và Giám sát, điều hành các lĩnh vực khác khi có nhu cầu. Qua đó, phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh một cách toàn diện, mọi mặt các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

- Hệ thống Hộp không giấy tờ (Ecabinet) triển khai và đưa vào vận hành khai thác. Đến nay, Hệ thống đã triển khai cho 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố (29 cơ quan, đơn vị); thực hiện khai báo, cấp 1.565 tài khoản người dùng.

- Hệ thống Thư điện tử công vụ đã triển khai ứng dụng hiệu quả cho 100% cơ quan nhà nước và công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh với tổng số 11.805 tài khoản sử dụng; tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng đạt khoảng 95%.

- Hệ thống Xác thực tập trung (SSO) được triển khai thực hiện xác thực tập trung cho 5 Hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh (Hệ thống thông tin Giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; Hệ thống thông tin Báo cáo; Hệ thống Hộp không giấy tờ (Ecabinet); Kho dữ liệu điện tử tổ chức, cá nhân). Qua đó đã đảm bảo nâng cao tính bảo mật, tiện lợi cho người sử dụng.

- 100% cơ quan nhà nước đã có trang thông tin điện tử, trong đó có 08 trang thông tin điện tử tổng hợp. Hiện tại, đã cơ bản đáp ứng các quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

4.2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động đạt 100%.

- Tỷ lệ công dịch vụ công của tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 92%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 78%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 55%.

- Tỷ lệ chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ đạt 100%.

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật đạt 95,67%.

5. Phát triển kinh tế số

- Triển khai các hoạt động; tổ chức các Chương trình tập huấn “Chuyển đổi số Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Qua đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh được tiếp cận các giải pháp công nghệ số, giao lưu, trao đổi với các chuyên gia, diễn giả về công nghệ để được tư vấn, trải nghiệm và lựa chọn phương pháp, lộ trình, cũng như các giải pháp công nghệ số phù hợp nhằm nâng cao năng lực quản lý, tối ưu hoá sản xuất, mở rộng thị trường và tạo ra nhiều giá trị mới của doanh nghiệp góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Tổng số tài khoản của người dân, doanh nghiệp được mở trên các sàn thương mại điện tử voso.vn và postmart.vn là 44.534 tài khoản, với 388 sản phẩm đưa lên sàn; số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số là 134.653 hộ, tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử/hộ gia đình đạt 37%.

- 100% doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện tử; khoảng 50% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử; 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng, sử dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh.

- Doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt khoảng 8,4%.

6. Phát triển xã hội số

- Ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- 90% số hộ gia đình sử dụng Internet, trong đó 70,8% hộ gia đình sử dụng Internet cố định cáp quang.

- 89,1 % người dân trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh.

- Tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử đạt 155%.

- Trên 55% người dân được cấp tài khoản định danh điện tử.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe, từng bước thay thế y bạ giấy đạt 90%.

- Tỷ trọng thanh toán học phí, viện phí không dùng tiền mặt đạt khoảng 98,8%; số lượng điểm kinh doanh dịch vụ Mobile money 2.132 điểm; tỷ lệ thuê bao di động sử dụng dịch vụ mobilemoney/tổng số thuê bao di động đạt 5%.

- Có 15 doanh nghiệp, đơn vị bưu chính chuyên phát đang hoạt động, với 210/210 điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định với số dân bình quân trên 1 điểm khoảng 4.798 người.

7. Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Chú trọng, thường xuyên quan tâm và thực hiện truyền thông, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng; công tác tập huấn, hướng dẫn xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin cho các cơ quan, đơn vị chủ trì quản lý, vận hành các Hệ thống thông tin được quan tâm triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

- Đã triển khai thực hiện đảm bảo an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp và kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia. Cơ bản hoàn thành triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho hạ tầng thiết bị công nghệ thông tin, Trung tâm dữ liệu, các Hệ thống thông tin dùng chung; đảm bảo an toàn thông tin phục vụ kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng cường đầu tư, trang bị hệ thống phòng chống tấn công mạng; thường xuyên triển khai thực hiện cảnh báo, xử lý khẩn cấp mã độc và khắc phục các sự cố mất an toàn thông tin; thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục, phòng tránh các phương thức tấn công khai thác hệ thống.

8. Kết quả bố trí kinh phí

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/7/2021 để triển khai thực hiện. Trên cơ sở kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025, hằng năm UBND tỉnh ban hành các kế hoạch để thực hiện (Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 09/3/2021; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 22/02/2022; Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 15/12/2022).

Trên cơ sở các kế hoạch đề ra, giai đoạn 2021-2023, ngân sách tỉnh bố trí thực hiện các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin với số tiền tương ứng khoảng 1,0% tổng chi cân đối ngân sách địa phương (*Năm 2021 là 142 tỷ đồng; Năm 2022 là 150 tỷ đồng; Năm 2023 là 150 tỷ đồng*).

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo các quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và đáp ứng hiệu quả đầu tư. Qua đó, góp phần phát triển các nền tảng, ứng dụng, hệ thống thông tin và hạ tầng số của tỉnh, bước đầu tạo ra những tiền đề cho thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

9. Kết quả chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình (DTI)

- Năm 2020, tỉnh Ninh Bình xếp hạng thứ 8; trong đó, chính quyền số xếp thứ 19 với 0,3915 điểm, kinh tế số xếp thứ 4 với 0,3161 điểm, xã hội số xếp thứ 6 với 0,3770 điểm.

- Năm 2021, tỉnh Ninh Bình đạt vị trí thứ 6/63 tỉnh/TP với 0,5064 điểm. Trong đó, chính quyền số cấp tỉnh xếp thứ 5/63 với 0,5716 điểm, kinh tế số xếp thứ 8/63 với 0,5306 điểm, xã hội số cấp tỉnh xếp 5/63 với 0,5338 điểm.

- Năm 2022, tỉnh Ninh Bình đạt vị trí thứ 21 với giá trị đạt 0,6214 điểm. Trong đó, Chính quyền số xếp thứ 11/63 với 0,7330 điểm; Kinh tế số xếp thứ 26/63 với 0,6651 điểm; xã hội số xếp thứ 18/63 với 0,6145 điểm.

10. Đánh giá, nhận xét chung

10.1. Ưu điểm

- Quan điểm, chủ trương về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số được xác định rõ trong Nghị quyết Tỉnh ủy và được thể chế hóa trong các văn bản của UBND tỉnh. Đặc biệt, không chỉ triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính (chính quyền), các cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội của tỉnh cũng tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số, góp phần lan tỏa tinh thần chuyển đổi số trên địa bàn được mạnh mẽ, toàn diện hơn.

- Kết quả triển khai xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số trong thời gian qua; trong đó có một số nhiệm vụ trọng tâm, tiêu chí quan trọng đạt kết quả khả quan, làm cơ sở cho triển khai chuyển đổi số trong thời gian tới; hầu hết các chỉ số đo lường, đánh giá liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, Chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh... đều cao hơn mức trung bình của toàn quốc, Ninh Bình đã hoàn thành thí điểm mô hình chuyển đổi số cấp huyện, cấp sở, ngành và đang triển khai thực hiện chuyển đổi số cấp xã theo mô hình phiên bản 1.0.

- Kinh tế số, xã hội số của tỉnh đã và đang có sự chuyển biến tích cực, đạt được những kết quả khả quan; tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số đang ngày càng phát triển; Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang bước đầu hình thành và phát triển. Nguồn nhân lực toàn tỉnh (bao gồm nguồn nhân lực công nghệ thông tin) trẻ, ham học hỏi, sáng tạo và thích ứng nhanh.

- Tỷ lệ ứng dụng công nghệ trong xã hội ở mức khá; tỷ lệ thuê bao viễn thông, đặc biệt là thuê bao Internet, điện thoại thông minh trong người dân, doanh nghiệp cao; tiến trình chuyển đổi số của tỉnh đang được sự tham gia, hưởng ứng tích cực của các doanh nghiệp và cộng đồng xã hội cùng với các cấp chính quyền tỉnh.

- Tỉnh tập trung, ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, triển khai khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, sẽ tạo thêm động lực cho chuyển đổi số.

10.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Một số sở, ngành, địa phương còn thiếu chủ động, quyết liệt trong tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, tập huấn chuyển đổi số; công tác truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho người dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng yêu cầu.

- Hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin tại một số cơ quan, đơn vị nhất là ở cấp xã còn chưa đồng bộ, nhiều thiết bị đã cũ, xuống cấp, cấu hình thấp chưa đáp ứng chuyển đổi sang dải địa chỉ Ipv6 cho chuyển đổi số; một số nền tảng số, hệ

thống thông tin dùng chung chưa được nâng cấp, hoàn thiện về chức năng, tính năng kỹ thuật nên trong quá trình khai thác, sử dụng còn chưa đáp ứng hết yêu cầu.

- Mạng nội bộ của các cơ quan, đơn vị còn thiếu thiết bị đảm bảo an toàn thông tin; tỷ lệ dùng chung hạ tầng viễn thông còn thấp, nhất là dùng chung trạm phát sóng thông tin di động (BTS). Việc xây dựng trạm BTS của các doanh nghiệp viễn thông tại một số nơi vẫn còn gặp nhiều khó khăn do người dân cản trở, không hợp tác.

- Công tác triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại một số địa phương còn thiếu chủ động, hiệu quả hoạt động còn hạn chế; các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số; đội ngũ cán bộ làm công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị được đào tạo đúng chuyên môn còn ít, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

- Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ đầu tư, mua sắm phần mềm và thuê dịch vụ công nghệ thông tin đơn vị chủ trì chưa chú trọng, làm tốt công tác rà soát đánh giá tổng thể dẫn đến sản phẩm, giải pháp đầu tư, thuê còn chưa đồng bộ một số sản phẩm, giải pháp phải thực hiện các giải pháp tình thế làm giảm hiệu quả đầu tư và gây nguy cơ mất an toàn thông tin.

- Trung tâm dữ liệu tỉnh đang trong quá trình tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện, vì vậy khả năng tích hợp, lưu trữ, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác số hóa, tạo lập phát triển cơ sở dữ liệu tại các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu và lộ trình đề ra.

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hai chiều từ hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với hệ thống thông tin các Bộ, ngành còn nhiều vướng mắc, do mức độ sẵn sàng và tính kế thừa cơ sở dữ liệu từ phía hệ thống thông tin của một số bộ, ngành chưa đáp ứng yêu cầu.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đưa vào sử dụng để người dân có thể tự thực hiện 100% các bước tại nhà còn thấp; chất lượng dịch vụ công trực tuyến (*đơn giản, thuận tiện, nhanh, an toàn, an ninh mạng*) chưa đáp ứng yêu cầu; Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình còn thấp, phần lớn người dân vẫn còn thói quen đến nộp hồ sơ trực tiếp.

- Việc triển khai Trợ lý ảo để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến vẫn chưa triển khai chính thức; nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

10.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Công nghệ phát triển nhanh, các mô hình và giải pháp liên tục phát triển, cơ sở pháp lý chưa đồng bộ, chưa bắt nhịp được yêu cầu thực tiễn. Việc xác định, phân loại, xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn cho các Hệ thống thông tin còn hạn chế vì là một lĩnh vực khó, đòi hỏi có kiến thức chuyên sâu về an toàn thông

tin nên dẫn đến việc xây dựng hồ sơ, thẩm định, phê duyệt chậm dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thông tin cao.

+ Chuyển đổi số là lĩnh vực mới, nhiều nhiệm vụ có nội dung khó, phức tạp; khối lượng công việc lớn.

+ Xây dựng đô thị thông minh và phát triển kinh tế số là các khái niệm mới, các mô hình phát triển chưa cụ thể, yếu tố công nghệ đóng vai trò lớn, chưa có các phương pháp đánh giá, thống kê nên quá trình triển khai vẫn còn lúng túng. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ.

- Nguyên nhân chủ quan: Nhận thức, ý chí và quyết tâm của các cấp, các ngành chưa đồng bộ. Chưa mạnh dạn thí điểm các mô hình mới; công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp tiếp cận, khai thác dịch vụ công trực tuyến hiệu quả chưa cao. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nhận thức hết tầm quan trọng, tính hiệu quả của chuyển đổi số; một số nhiệm vụ đặt ra về chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình và lĩnh vực quản lý chưa sát với tình hình thực tế; chưa thực sự quan tâm, chú trọng đến việc đầu tư trang thiết bị, đảm bảo hạ tầng số căn bản phục vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình; chưa nắm rõ quy trình quản lý dự án, nhiệm vụ hoạt động công nghệ thông tin; số lượng nhân lực làm chuyển đổi số còn thiếu; chưa có các chính sách phù hợp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

III. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang phát triển rất mạnh mẽ. Đây là cuộc cách mạng dựa trên nền tảng công nghệ số và kết hợp, hội tụ đa công nghệ, dẫn đến sự thay đổi chưa từng có tiền lệ trong mô hình phát triển kinh tế - xã hội. Trước thực tiễn, xu hướng phát triển của thế giới, Trung ương đã ban hành nhiều chính sách, chiến lược, tích cực trong tiếp cận, nắm bắt thời cơ và thâm nhập sâu vào giai đoạn mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cụ thể tại các văn bản, như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XXII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết đã xác định rõ: Xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính

quyền số, kinh tế số, xã hội số là giải pháp đột phá để phát triển kinh tế xã hội; trong quá trình chuyển đổi số phải lấy người dân làm trung tâm; các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ bản chất, tầm quan trọng của chuyển đổi số; bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, đảm bảo tính kế thừa, phù hợp với xu hướng phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình. Đồng thời, Nghị quyết cũng đã đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2025, tỉnh hoàn thành các hệ thống nền tảng chính quyền điện tử; cơ bản hình thành chính quyền số, hoàn thành các nền tảng cơ bản để thúc đẩy để phát triển kinh tế số, xã hội số; ưu tiên tập trung đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số ở một số lĩnh vực: Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa - Thể thao, Du lịch, Giao thông vận tải, Nông nghiệp, Tài nguyên - Môi trường, Tài chính; đến năm 2030, thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số ở các lĩnh vực ưu tiên; tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp trên toàn tỉnh; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống người dân.

Để cụ thể hóa triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 01-NQ/TU, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cùng với sự vào cuộc của các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp trong tỉnh; công tác xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng và phát triển đô thị thông minh của tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được còn có những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện. Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế góp phần đẩy nhanh, tối ưu hóa quá trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới, cần chủ động hơn nữa tiếp cận, nắm bắt và ứng dụng những sản phẩm, thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng các nền tảng công nghệ số vào mọi lĩnh vực, hoạt động. Đồng thời, để đảm bảo việc đầu tư mua sắm phần mềm và thuê dịch vụ công nghệ thông tin được tổng thể, đồng bộ và dự toán chi tiết đến từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi thực hiện chuyển đổi số theo quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, qua đó, giúp các cơ quan, đơn vị chủ động trong quá trình triển khai thực hiện. Vì vậy, UBND tỉnh ban hành Đề án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2024-2025 là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thực tiễn.

Phần thứ hai NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi của Đề án: Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
2. Đối tượng của Đề án: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, người dân trên địa bàn tỉnh và các doanh nghiệp tham gia Đề án.
3. Thời gian thực hiện Đề án: 02 năm (2024-2025).

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Đến hết năm 2025 cơ bản hình thành chính quyền số, các nền tảng cơ bản để thúc đẩy kinh tế số, xã hội số. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, tiến tới hoàn thiện các cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin, nền tảng số; đảm bảo sẵn sàng, đáp ứng các điều kiện căn bản phục vụ chuyển đổi số của tỉnh. Trong đó, tập trung phát triển 03 trụ cột chính gồm chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo các định hướng, mục tiêu của Trung ương; quá trình triển khai phải đảm bảo công tác an toàn, an ninh trên không gian mạng, gắn kết chặt chẽ với phát triển các dịch vụ đô thị thông minh, cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các cơ quan nhà nước, các ngành, các cấp; góp phần xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện; từng bước hình thành, phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương gắn với khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư để Ninh Bình trở thành một trong những Trung tâm đổi mới sáng tạo, có nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững; phát huy hiệu quả tối đa của đầu tư từ ngân sách nhà nước với mục tiêu “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Về hạ tầng số, dữ liệu số

- Phân đầu 100% địa bàn dân cư trên địa bàn tỉnh được phủ sóng mạng di động 4G và mạng Internet cáp quang; phân đầu 100% địa bàn khu vực trung tâm các huyện, thành phố, các khu, cụm công nghiệp của tỉnh có sóng di động 5G.

- Phân đầu 100% các cơ quan nhà nước có mạng nội bộ (LAN) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện chuyển đổi sang dải địa chỉ IPv6.

- Phân đầu 100% các hạng mục, hợp phần cơ bản của Trung tâm dữ liệu tỉnh được triển khai đầu tư đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

2.2. Về chính quyền số

- Phân đầu 95 % hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% công việc tại cấp huyện, 60% công việc tại cấp xã được quản lý, xử lý và luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Phân đầu 100% văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số theo quy định.

- Phân đầu 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia theo lộ trình Chính phủ.

- Phân đầu 100% dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện theo quy định được công bố áp dụng dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Phân đầu 100% dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết trực tuyến tối thiểu đạt 80% trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Phân đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- Phân đầu Ninh Bình nằm trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số của cả nước.

2.3. Về kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt tối thiểu 10%.

2.4. Về xã hội số

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông có mô hình quản trị số, hoạt động số đạt tối thiểu 70%.

2.5. Về an toàn thông tin mạng

- Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Duy trì Hệ thống xác thực tập trung SSO; Hệ thống giám sát, bảo vệ, tổ chức ứng cứu, xử lý bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC).

- Phân đầu 100% hệ thống thông tin, hạ tầng máy chủ, thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tỉnh được bảo vệ phòng, chống tấn công mạng, có giải pháp quản trị, vận hành và sao lưu, lưu trữ dự phòng. Duy trì, mở rộng, nâng cấp Hệ thống giám sát quản trị vận hành hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm hoạt động an toàn cho Trung tâm dữ liệu tỉnh (NOSC).

- Phân đầu 100% hệ thống thông tin, phần mềm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được xây dựng, phê duyệt hồ sơ và triển khai phương án đảm bảo cấp độ an toàn hệ thống thông tin; được kiểm tra đánh giá định kỳ theo quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Xây dựng thể chế số

- Thường xuyên rà soát, đánh giá, kịp thời sửa đổi, thay thế, bãi bỏ các văn bản đã ban hành đảm bảo phù hợp với các yêu cầu thực tiễn tại địa phương và tuân thủ theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

- Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách của địa phương để cụ thể hóa các quy định, chính sách của Trung ương, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất trong các hoạt động, nhiệm vụ, chương trình, dự án về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2025.

2. Nhận thức số, phát triển nhân lực số

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông, phổ cập kỹ năng số cho doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh. Thu hút chuyên gia, nhân lực công nghệ thông tin tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ đến tỉnh đầu tư, làm việc.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương, tận dụng tối đa các nguồn lực trong việc triển khai các đề án của Chính phủ trong việc nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nhằm phát triển hạ tầng mạng viễn thông: Tham mưu xây dựng các chính sách nhằm phát triển hạ tầng mạng viễn thông băng rộng: Phát triển dịch vụ Internet, dịch vụ Internet công cộng để cung cấp các sản phẩm số, dịch vụ số; nâng cấp phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao, triển khai phủ sóng di động 5G; đảm bảo có hạ tầng cáp quang để thiết lập mạng Internet băng rộng cố định đối với các địa bàn chưa có hạ tầng băng rộng cố định; thiết lập mạng truy cập băng rộng di động tại các vùng lõm sóng.

- Phát triển, nâng cấp hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 2 của các cơ quan nhà nước, bảo đảm vận hành ổn định, hiệu quả. Đầu tư, mua sắm, thiết lập mới, mở rộng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm phục vụ phát triển, duy trì hạ tầng số dùng chung. Chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước tỉnh giai đoạn 2020-2025.

- Duy trì hoạt động Trung tâm dữ liệu tỉnh đáp ứng quy định; xây dựng mạng lưới, cơ chế dự phòng cho dữ liệu quan trọng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh.

4. Phát triển dữ liệu số

- Xây dựng, tham mưu các chính sách trong việc mở dữ liệu, sử dụng dữ liệu mở, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để thúc đẩy chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và quản lý nhà nước; chuẩn hóa, làm sạch cơ sở dữ liệu chuyên ngành và quản lý nhà nước hiện có để đưa vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia.

- Số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực và các văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển Chính quyền số

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số một cách tổng thể, toàn diện, phát huy kết quả đạt được, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp đột phá, cách làm mới để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Hoàn thiện, cập nhật các nền tảng, hệ thống thông tin như: Văn bản điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, các ứng dụng chuyên ngành, các danh mục dùng chung,... theo văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương; ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong cung cấp dịch vụ để tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự thuận tiện cho người dùng như trợ lý ảo, trả lời tự động...

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp.

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối, tích hợp với các hệ thống ứng dụng của các cơ quan Trung ương trên địa bàn. Triển khai thử nghiệm một số nền tảng số dùng chung theo hướng dẫn của các bộ, ngành.

6. Phát triển Kinh tế số

- Xây dựng cơ chế, chính sách trong triển khai, phát triển kinh tế số, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) các hộ kinh doanh trong việc đánh giá mức độ chuyển đổi để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách trong triển khai thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp công nghệ số gắn với khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

7. Phát triển Xã hội số

- Phổ cập các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số đến mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Tuyên truyền, hỗ trợ người dân tham gia các hoạt động trên môi trường số một cách sâu rộng, như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, mua bán trực tuyến, phản ánh, tương tác với chính quyền...

- Thiết lập các kênh để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ người dân về chuyên đổi số; đồng thời để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh giao tiếp xã hội thông qua các mạng xã hội, các ứng dụng, các dịch vụ số.

8. An toàn thông tin, an ninh mạng

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá và xác định cấp độ an toàn thông tin; triển khai lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin theo quy định.

- Triển khai và đưa vào vận hành hiệu quả các hệ thống, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Chủ động giám sát các nguy cơ tấn công và mất an toàn thông tin mạng, có hành động ứng phó kịp thời.

(Có Danh mục các nhóm nhiệm vụ thực hiện Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2024-2025 kèm theo).

IV. NGUỒN KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí:

Nguồn ngân sách cấp tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm, lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án, huy động nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí ít nhất 1,0% tổng chi cân đối ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ Đề án.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và môi trường pháp lý

- Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện phát triển chính quyền số, chuyên đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định đồng bộ, thống nhất gồm: Quản lý, vận hành khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; cập nhật, lưu trữ, trao đổi thông tin dữ liệu; tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, người dân ... đối với các hoạt động về chuyển đổi số.

- Xây dựng, áp dụng các cơ chế chính sách thu hút, kêu gọi các nhà đầu tư vào ứng dụng công nghệ thông tin, các hoạt động chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh; có chính sách đãi ngộ thu hút công chức, viên chức, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số có trình độ, năng lực cao; kịp thời khen thưởng những sáng kiến, kinh nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, nhắc nhở phê bình cá nhân, tổ chức thiếu tích cực.

- Thường xuyên rà soát các quy định, quy chế có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, Đề án 06/CP, chuyển đổi số để xem xét, sửa đổi, ban hành tạo

hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất phục vụ hoạt động triển khai, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

- Tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các hiệp hội ngành nghề tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia công cuộc chuyển đổi số tại tỉnh.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; đặc biệt là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Đa dạng hóa và thực hiện hiệu quả các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về công nghệ số, phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng, gắn với cải cách hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp ... về lợi ích trong việc tham gia cung cấp, sử dụng các dịch vụ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực số; các kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp, Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP các cấp ... trong việc ứng dụng, sử dụng; hướng dẫn triển khai các dịch vụ, công nghệ số.

- Hàng năm tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số” tỉnh Ninh Bình với mục tiêu Hội tụ công nghệ chuyển đổi số để lan tỏa, mang lại lợi ích đến chính quyền, người dân, doanh nghiệp, kết hợp công bố và quảng bá các sản phẩm “Make in Việt Nam”.

- Tổ chức các sự kiện, chương trình, hội thảo về chuyển đổi số, trong đó chú trọng công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; bảo vệ bí mật nhà nước; bảo vệ thông tin cá nhân; bảo vệ trẻ em ... trên môi trường mạng.

- Thường xuyên tổ chức đánh giá, công bố, biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong xây dựng, phát triển chính quyền số, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển nguồn nhân lực số

- rà soát, bố trí công tác phù hợp cho các cán bộ công chức, viên chức của tỉnh có chuyên môn về công nghệ thông tin để phụ trách, đảm nhận công tác chuyển đổi số, vận hành và quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin.

- Kiện toàn hệ thống cán bộ và bộ phận chuyên trách chuyển đổi số từ tỉnh đến các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn. Khuyến khích các doanh nghiệp, trường học, bệnh viện hình thành các bộ phận chuyên trách về chuyển đổi số trực thuộc hoặc bố trí cán bộ chuyên trách phù hợp, đáp ứng triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình.

- Đẩy mạnh hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực hiện có và có chính sách thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao; tạo

điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng có liên quan nghiên cứu trao đổi, học tập, kinh nghiệm chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin.

- Phát huy hiệu quả hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng; Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP cơ sở nhằm thúc đẩy tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số, công nghệ số cũng như cải thiện kỹ năng số; là cánh tay nối dài của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số các cấp để cụ thể hóa các hoạt động chuyển đổi số của chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển hạ tầng số

- Xây dựng, phát triển hạ tầng số chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; ưu tiên triển khai tại các khu, cụm công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, trung tâm thương mại dịch vụ...

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong đầu tư, nâng cấp, mở rộng mạng di động 4G; phát triển hạ tầng mạng di động 5G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi mạng Internet của tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới Ipv6; kết nối, liên thông hệ thống mạng giữa khối Đảng và khối Chính quyền.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IOT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số; các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý vận hành, hình thành dữ liệu quản lý của các ngành, kho dữ liệu của tỉnh.

5. Triển khai các nền tảng dùng chung và phát triển dữ liệu số

- Xây dựng kế hoạch của tỉnh để thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia, đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh các hoạt động của Nền tảng kết nối chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để sẵn sàng kết nối, khai thác, sử dụng chung dịch vụ của Nền tảng quốc gia bao gồm: Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia; Hệ thống thanh toán trực tuyến quốc gia; Các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực ưu tiên như: Y tế, Giáo dục, Du lịch, Nông nghiệp, Giao thông, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, thương mại điện tử,...

- Triển khai kết nối, khai thác và kế thừa các nền tảng chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, cũng như các nền tảng/hạ tầng số dùng chung do tỉnh Ninh Bình chủ động triển khai theo yêu cầu thực tế như Trung tâm Dữ liệu; Kho dữ liệu; Nền tảng Tích hợp, chia sẻ dữ liệu - LGSP; Nền tảng Điện toán đám mây dùng riêng tỉnh; Cổng dữ liệu mở tỉnh...

- Xây dựng, phát triển các nền tảng hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh tuân thủ và theo quy định của Khung kiến trúc Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số của tỉnh theo các phiên bản tại từng thời điểm.

- Đảm bảo nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định; bảo đảm kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và Trục liên thông văn bản quốc gia (VDXP).

- Triển khai công cụ, giải pháp, nền tảng số hóa đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh để phục vụ thu gom dữ liệu để lưu trữ, quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả trên môi trường số làm cơ sở thiết lập hồ sơ dữ liệu/kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

- Ưu tiên triển khai một số nền tảng số chuyên ngành như: Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Du lịch; Công nghiệp; Giao thông vận tải và Logistics; Năng lượng; Môi trường; Tài chính - Ngân hàng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm các tiêu chuẩn về kết nối, tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu, truy cập thông tin, an toàn thông tin, dữ liệu đặc tả nhằm bảo đảm kết nối thông suốt, đồng bộ và khả năng chia sẻ, trao đổi thông tin an toàn, thuận tiện giữa các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, cá nhân.

6. Tập trung chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên

- Tập trung thực hiện chuyển đổi số các lĩnh vực ưu tiên đáp ứng các nội dung, mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng, triển khai đồng bộ các ứng dụng trên nền tảng điện toán đám mây và ảo hóa trong lưu trữ, quản lý các ứng dụng và cơ sở dữ liệu; triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số đồng bộ, hiện đại, hiệu quả các lĩnh vực ưu tiên nhằm đạt mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Ninh Bình thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội của tỉnh phát triển nhanh, bền vững.

- Tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới nhằm đổi mới hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước ở các cấp trong toàn tỉnh; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống người dân trên địa bàn tỉnh.

7. Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng

- Bố trí ít nhất 10% trong tổng chi ngân sách cho chuyển đổi số của tỉnh để triển khai các nhiệm vụ về đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, đặc biệt về đảm bảo an toàn thông tin để bảo vệ các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh theo mô hình 4 lớp.

- Tổ chức kiểm tra đánh giá theo định kỳ, đột xuất đối với tất cả các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng, hạ tầng trang thiết bị của các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đảm bảo tuân thủ theo đúng

các quy định và hướng dẫn hiện hành.

- Tăng cường xây dựng, kiện toàn đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng, ứng cứu sự cố để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Phát triển, hoàn thiện Trung tâm giám sát an toàn, an ninh không gian mạng (SOC) của tỉnh đảm bảo yêu cầu, tiêu chuẩn theo quy định và tích hợp kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng của quốc gia; hình thành mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng rộng khắp trong toàn tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 04/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng cũng như các Chỉ thị khác của Chính phủ về an toàn thông tin, an ninh mạng; đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về tính riêng tư, an ninh, an toàn thông tin và các tiêu chuẩn mã hóa, lưu trữ, giao tiếp, kết nối các hệ thống trong quá trình thực hiện chuyển đổi số; triển khai thực hiện theo nội dung tại Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030”.

- Xây dựng, triển khai các quy định về vai trò, phân quyền truy cập sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh ở các mức độ khác nhau phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ được giao; yêu cầu có cam kết đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn dữ liệu đối với cán bộ phụ trách quản trị hệ thống, người sử dụng tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Tổ chức đào tạo bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp chuyển đổi số; định kỳ tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố, diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng cấp tỉnh; phê duyệt hồ sơ và đảm bảo an toàn cho các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Duy trì tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm; đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể người dân hàng năm; Đảm bảo hoạt động mạng lưới an toàn thông tin của tỉnh, kết nối thường xuyên với mạng lưới quốc gia.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trong công tác tham mưu, thực thi, triển khai các nhiệm vụ của Đề án về an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và huyện, thành phố trên địa bàn trong công tác quản lý đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.

8. Tài chính, thu hút vốn đầu tư

- Bảo đảm bố trí đủ kinh phí cho ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số, chuyển đổi số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh, triển khai Đề

án 06/CP và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng trong dự toán ngân sách hàng năm.

- Tranh thủ sự hỗ trợ từ Bộ Thông tin và Truyền thông, các tập đoàn viễn thông, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để phát triển hoàn thiện hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh; tranh thủ sự hỗ trợ và phối hợp thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án từ các bộ ngành Trung ương triển khai về tỉnh; huy động các nguồn vốn, nguồn xã hội hóa hợp pháp vào hoạt động chuyển đổi số và các nội dung, nhiệm vụ của Đề án.

9. Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, sáng kiến, tiên phong thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới

- Xây dựng cơ chế chính sách và hành lang pháp lý để triển khai các mô hình thử nghiệm, cộng tác, kinh doanh mới giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân, tập trung vào lĩnh vực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hợp tác trao đổi tri thức, sáng chế.

- Xây dựng các chính sách kết nối giữa các doanh nghiệp để cùng chia sẻ chi phí tiếp cận các sở hữu trí tuệ, công nghệ mới.

- Tiên phong thử nghiệm và ứng dụng các mô hình đổi mới sáng tạo mở để khuyến khích khởi nghiệp và khai phá tiềm năng ứng dụng công nghệ mới, mô hình mới vào các ngành, lĩnh vực truyền thống.

- Triển khai các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp công nghệ số gắn với khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

10. Đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm

- Chủ động hợp tác, liên kết với các tỉnh/thành phố nhằm phát huy các thế mạnh của mỗi địa phương tạo ra những khả năng phát triển mới trong việc phát triển chính quyền số, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin và phát triển các dịch vụ đô thị thông minh.

- Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, hội, hiệp hội; các doanh nghiệp ICT, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên cả 3 lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh nghiệm và tài chính để phát triển, đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, áp dụng các công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hợp tác, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh thông qua các đề án, dự án hợp tác quốc tế.

- Tích cực tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước để thiết lập quan hệ, tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ về mọi mặt cho các chương trình, dự án phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số toàn diện và xây dựng đô thị thông minh. Khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong tỉnh xây dựng các dự án kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số. Tạo mối liên kết hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, đặc biệt là các doanh nghiệp có kinh nghiệm trong chuyển đổi số để áp dụng những giải pháp mới.

11. Giám sát, đánh giá

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát; xây dựng, triển khai các phương pháp, công cụ để thực hiện đánh giá, đo lường hiệu quả, kết quả, mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ công tác chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh.

- Thường xuyên thực hiện thống kê, báo cáo kết quả thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết kết quả thực hiện 06 tháng, 01 năm/lần để rút các bài học kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo và tổng kết thực hiện Đề án vào cuối giai đoạn 2024-2025.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TRÁCH NHIỆM CÁC CẤP, CÁC NGÀNH, ĐOÀN THỂ

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Đề án, quyết định các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy xây dựng, triển khai có hiệu quả và đảm bảo các mục tiêu đề ra; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai hàng năm. Định kỳ kiểm tra, rà soát kết quả và các nội dung nhiệm vụ chuyển đổi số, đối chiếu với các chỉ tiêu chuyển đổi số của Trung ương và tình hình thực tiễn triển khai để cập nhật cho phù hợp. Ban chỉ đạo chuyển đổi số các địa phương; thủ trưởng các sở, ban, ngành chủ động, chịu trách nhiệm và thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trực tiếp tới cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Xây dựng và triển khai cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát trách nhiệm giải trình, ra quyết định và xử lý kịp thời các vướng mắc về thể chế, nguồn lực tài chính, giải pháp công nghệ và con người để bảo đảm thực thi hiệu quả mục tiêu chuyển đổi số.

- Xây dựng, triển khai cơ chế tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai các nội dung, hoạt động chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước nhằm tổng kết, đánh giá kết quả và kinh nghiệm thực tiễn, hiệu quả, khó khăn, vướng mắc khi triển khai chuyển đổi số, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến nâng cao chất lượng phục vụ công dân, doanh nghiệp để đề xuất, tham mưu cấp có thẩm quyền có các điều chỉnh, chỉ đạo điều hành phù hợp với thực tế theo từng giai đoạn...

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách, văn bản bản quy phạm pháp luật, kế hoạch hoặc chương trình triển khai hằng năm hoặc trong giai đoạn thực hiện đề án; tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án đảm bảo hiệu quả, thiết thực. Chủ trì điều phối, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của Đề án; thường xuyên tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, vai trò, ý nghĩa và tình hình, kết quả triển khai các hoạt động chuyển đổi số của tỉnh; chủ trì, phối hợp, ký kết hợp

tác với các cơ quan báo chí Trung ương đẩy mạnh công tác truyền thông, tăng cường lan tỏa những tấm gương điển hình, mô hình hay, sáng tạo trong công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ, công chức, viên chức; người dân, doanh nghiệp, các Tổ công nghệ số cộng đồng về kiến thức, kỹ năng công nghệ số, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Thường xuyên tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Đề án để tổng hợp, báo cáo UBND, HĐND theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, trách nhiệm, phạm vi quản lý.

3. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin được giao chủ trì quản lý; triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát hoạt động của Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã trong thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ, UBND tỉnh giao dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án theo quy định của pháp luật liên quan.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp nhằm tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ, đẩy mạnh cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất chính sách phát triển nguồn nhân lực số, triển khai tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo liên quan đến chuyển đổi số; đẩy mạnh triển khai các chính sách khuyến khích doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ số; tăng cường phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông trong việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về việc tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh.

8. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 107-KH/PH-TCTĐA06/CPTW-UBND TỈNH NB ngày 02/08/2023 và các văn bản có liên quan về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành các biện pháp truyền thông, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các loại hình tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật lĩnh vực an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tích cực, chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan truyền thông, báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Tổ chức phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của các cơ quan Nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của tổ chức, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

10. Báo Ninh Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền; truyền thông sâu, rộng về mục tiêu, nhiệm vụ, các nội dung của Đề án cũng như định hướng, chiến lược quốc gia và mục tiêu, lộ trình của tỉnh về phát triển chính quyền số, chuyển đổi số, triển khai Đề án 06/CP, công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh. Chủ động đề xuất nhiệm vụ, thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động truyền thông, báo chí tại cơ quan, đơn vị mình.

11. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ các nội dung, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, lộ trình đã đề ra.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ cụ thể, thiết thực để thực hiện nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và đảm

bảo an toàn thông tin mạng ở mỗi cơ quan, đơn vị gửi Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp thực hiện.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện số hóa, tạo lập, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu; triển khai hiệu quả hạ tầng, các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; phát triển các dịch vụ đô thị thông minh hiệu quả, tiện ích phục vụ thiết thực cho người dân; triển khai các điều kiện công dân số, công chức số; hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ được giao về cung cấp, giải quyết dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác Đề án 06/CP nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ, công nghệ số trên địa bàn.

- Chủ động bố trí nguồn ngân sách, lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án; huy động nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án.

II. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, TỔ CHỨC SƠ KẾT, TỔNG KẾT ĐỀ ÁN

1. Sở Thông tin và Truyền thông (*cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh*) thực hiện chế độ thông tin báo cáo phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Đề án trên địa bàn tỉnh.

2. Định kỳ 6 tháng và hết năm các cấp, các ngành tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án trong năm, xác định phương hướng, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch năm sau, đồng thời thực hiện công tác thi đua khen thưởng.

3. Tổ chức tổng kết vào cuối giai đoạn 2024-2025 làm cơ sở xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế công tác chuyển đổi số của tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

III. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỀ ÁN

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất biện pháp giải quyết, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. *Ha*

Nơi nhận:

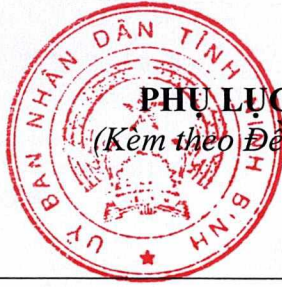
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, các VP.

HP_VP6_ĐA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tông Quang Thìn
Tông Quang Thìn



PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC NHÓM NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Kèm theo Đề án số 06 /ĐA-UBND ngày 03 / 4/2024 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NHIỆM VỤ	NĂM 2024		NĂM 2025	
		Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)	Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)
	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	165,000	100	170,000	100
A	Chi đầu tư phát triển	0	0	3,000	2
-	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ chuyển đổi số tại một số đơn vị của ngành Y tế	0	0	3,000	2
B	Chi thường xuyên	165,000	100	167,000	98
I.	Các nhóm nhiệm vụ về nhận thức số, phát triển nhân lực số	1,130	0.68	2,550	1.53
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, hoạt động, kết quả phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng trên địa bàn tỉnh				
2	Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước và người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh				



STT	NHIỆM VỤ	NĂM 2024		NĂM 2025	
		Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)	Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)
3	Hợp tác tuyên truyền về chuyển đổi số và Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh				
II.	Các nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, nền tảng số	37,650	22.82	5,300	3.17
1	Đầu tư, mua sắm, thiết lập mới, mở rộng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển hạ tầng số dùng chung				
2	Đầu tư, mua sắm, thiết lập mới, mở rộng, nâng cấp hệ thống phần mềm phục vụ phát triển hạ tầng số dùng chung				
3	Duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, hạ tầng dùng chung				
4	Đầu tư, mua sắm, thiết lập mới, mở rộng, nâng cấp, phát triển hạ tầng số; chuyển đổi IPv6 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương				
III.	Các nhóm nhiệm vụ về phát triển dữ liệu số	10,100	6.12	23,800	14.25
1	Xây dựng, tạo lập, chuẩn hóa, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử				

STT	NHIỆM VỤ	NĂM 2024		NĂM 2025	
		Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)	Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)
2	Xây dựng, tạo lập, chuẩn hóa, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ, chuyên ngành, dùng chung, mở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước; người dân và doanh nghiệp				
IV.	Các nhóm nhiệm vụ về phát triển chính quyền số	46,000	27.88	53,400	31.98
1	Đầu tư, mua sắm, thiết lập mới, duy trì, mở rộng, nâng cấp hạ tầng thiết bị, công nghệ, phần mềm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phạm vi toàn tỉnh và từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương				
2	Thuê dịch vụ các hệ thống thông tin, hạ tầng thiết bị, phần mềm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phạm vi toàn tỉnh và từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương				
3	Tham mưu, hỗ trợ, tổ chức triển khai, thực thi các công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành trên phạm vi toàn tỉnh				
4	Thuê các cá nhân và tổ chức trong việc tư vấn xây dựng, hoạch định chính sách, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, chiến lược phát triển và các nội dung khác có liên quan trong quá trình triển khai, thực hiện các nội dung của đề án				



STT	NHIỆM VỤ	NĂM 2024		NĂM 2025	
		Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)	Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)
5	Tổ chức các hoạt động triển khai thí điểm hoặc theo hướng dẫn về chuyển đổi số ở các cấp				
6	Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật; mức độ, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh				
7	Tổ chức Hội nghị, hội thảo, chuyên đề, diễn đàn; Học tập, trao đổi kinh nghiệm và tham dự các Hội nghị, hội thảo, chuyên đề, diễn đàn về chuyển đổi số				
V.	Các nhóm nhiệm vụ về phát triển kinh tế số	10,050	6.09	4,250	2.54
1	Tổ chức triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, xác định chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh				
2	Xây dựng, triển khai các công cụ, giải pháp, nền tảng số, hệ thống thông tin, phần mềm phục vụ thu hút đầu tư, đổi mới sáng tạo; phát triển thương mại điện tử và kinh tế số ngành, lĩnh vực				
VI.	Các nhóm nhiệm vụ về phát triển xã hội số	2,700	1.64	10,950	6.56

STT	NHIỆM VỤ	NĂM 2024		NĂM 2025	
		Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)	Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Xây dựng, triển khai các ứng dụng, nền tảng số, hệ thống thông tin; dịch vụ đô thị thông minh; phát triển các hệ thống kênh giao tiếp, tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp				
2	Tổ chức các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP các cấp trên địa bàn tỉnh				
VII.	Các nhóm nhiệm vụ về đảm bảo an toàn thông tin mạng	26,610	16.13	22,350	13.38
1	Đầu tư, mua sắm, thiết lập mới, mở rộng, nâng cấp hạ tầng thiết bị, phần mềm, công cụ, nền tảng để phục vụ rà soát, giám sát, đánh giá đảm bảo an toàn thông tin an ninh mạng và bảo mật dữ liệu				
2	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin, trang thiết bị, phần mềm, nền tảng, công cụ để phục vụ rà soát, giám sát, đánh giá đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu; tổ chức định kỳ kiểm tra, đánh giá công tác đảm bảo an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo mô hình 4 lớp,... đã phê duyệt hồ sơ cấp độ				



STT	NHIỆM VỤ	NĂM 2024		NĂM 2025	
		Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)	Dự kiến kinh phí thực hiện	Tỷ lệ (%)
3	Tổ chức các hội nghị, chương trình, hội thảo, tập huấn chuyên đề, kiểm tra, đánh giá định kỳ/đột xuất về an toàn thông tin; diễn tập tình huống, diễn tập thực chiến nhằm nâng cao năng lực đội ngũ, đáp ứng khả năng ngăn ngừa, ngăn chặn từ xa, khắc phục, ứng cứu sự cố kịp thời các tình huống tấn công mạng xảy ra trên địa bàn tỉnh				
VIII.	Các nhóm nhiệm vụ về triển khai thực hiện các mô hình/nhiệm vụ tại Kế hoạch số 107-KHPH-TCTĐA06/CPTW-UBND TỈNH NB ngày 02/08/2023 và các văn bản có liên quan về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh	29,960	18.16	30,400	18.20
IX.	Các nhóm nhiệm vụ về hỗ trợ chuyển đổi số trên địa bàn các huyện, thành phố	800	0.48	14,000	8.38
1	Hỗ trợ đầu tư, mua sắm, thiết lập mới, mở rộng, nâng cấp hạ tầng trang thiết bị, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin				
2	Hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng				